

Trong bài "Tác động của luồng công nghệ ngoại nhập đến phát triển kinh tế" đăng trên TC.PTKT số 58 tháng 8.1995, tr.32, tôi đã đưa ra khái niệm về *luồng công nghệ ngoại nhập* (LCNNN), và nhận dạng các luồng đó. Trong bài này, tôi xin nêu ra các tiêu thức để đánh giá trình độ công nghệ của LCNNN.

Đây là một lĩnh vực rộng, đầy nóng bỏng và thách đố đối với sự phát triển hiện nay của cả nước ta nói chung, TP.HCM nói riêng. Yếu tố công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vô cùng quan trọng. Công nghệ đã ra nhiều hàng hóa và sản phẩm tiêu dùng cho xã hội, tạo ra sức mạnh cạnh tranh, làm thay đổi về lượng và chất của quá trình phát triển kinh tế.

Ở nước ta, hiện nay do nhiều nguyên nhân, việc nghiên cứu và triển khai (R & D) còn rất hạn chế, vì vậy việc phát triển công nghệ phục vụ cho phát triển đất nước, có lẽ trong vài thập niên trước mắt vẫn phải dựa vào LCNNN.

Nền kinh tế thị trường thực sự thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển mạnh mẽ, đây là xu thế chung của cả thế giới ngày nay. Chính sách mở cửa của nhà nước ta đã tạo ra bước ngoặt phát triển công nghiệp.

VN trở thành thị trường đầy quyến rũ với các nhà đầu tư nước ngoài, làn sóng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài mỗi ngày một tăng. Tính đến tháng 6.1995, trên lãnh thổ VN đã có tới 1400 giấy phép đầu tư được cấp, với tổng vốn lên tới 15 tỷ. Riêng TP.HCM chiếm 1/3 trong tổng số giấy phép được cấp và 1/3 số vốn đăng ký tương đương với 5 tỷ USD. Đầu tư nước ngoài tăng, có nghĩa là LCNNN ào ạt nhập vào nước ta. Thật đáng buồn, vừa qua SCCI (Ủy ban nhà nước về Hợp tác và đầu tư) đã thuê công ty kiểm định công nghệ Thụy Sĩ gọi tắt là SGS, kiểm định mới chỉ có 12 cty liên doanh có đối tác nước ngoài hoạt động tại VN. Kết quả cho thấy

6/12 cty đã khai khống về giá trị công nghệ lên đến 14 triệu USD. Nếu mà cả 1400 cty LD được kiểm định thì con số thiệt hại này thật khủng khiếp. Chưa hết, tất cả các dây chuyền công nghệ góp vào liên doanh đều cũ, lạc hậu, cá biệt có dây chuyền đã thanh lý đem tân trang lại (ví dụ như VN Motor Corporation, cty LDSG We-wong, BGI Tiền Giang)

Làm thế nào để phát hiện được việc "khai

khống" và làm thế nào và dựa vào đâu để có thể giám định ngay được các dây chuyền công nghệ khi nhập vào VN? Thực ra, đây là công việc cực kỳ khó khăn, nó đòi hỏi đội ngũ cán bộ chuyên môn có trình độ giỏi, mẫn cán và trung thực, yêu nghề, ngoài ra còn phải có đủ mọi dữ liệu số liệu thông tin trên phạm vi toàn thế giới được cập nhật để có thể nhận biết được xuất xứ của hàng hóa, công nghệ và giá cả thị

trường.v.v..

Đây là chưa nói tới sự thống nhất quản lý và sự phối hợp liên kết chặt chẽ giữa các ban, ngành chức năng và các địa phương về việc thẩm định và đánh giá.

Dưới đây, tôi xin nêu một loạt tiêu thức nhằm cung cấp thông tin về đánh giá trình độ LCNNN. Đây là quan điểm riêng cá nhân nhằm đóng góp một phần ý kiến để có thể đi đến hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu đánh giá trình độ công nghệ và đưa ra được các điều kiện áp dụng hợp lý trong hoàn cảnh thực tế trước mắt và cho vài thập niên tới ở nước ta.

I. TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ XÉT THEO YẾU TỐ SẢN XUẤT

1. Đối với máy móc thiết bị

a. Hao mòn hữu hình: đặc trưng cho sự hao mòn máy móc thiết bị do tác động vật lý của thiên nhiên và quá trình sử dụng. Về phương diện kỹ thuật, chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng giá trị hao mòn của các bộ phận chủ yếu cấu thành thiết bị và tổng giá trị của các bộ phận chủ yếu cấu thành thiết bị. Về phương diện kinh tế, chỉ tiêu này gắn với mức khấu hao thiết bị (giá trị tài sản cố định) được qui định theo thời gian hoặc theo số lượng sản phẩm sản xuất ra.

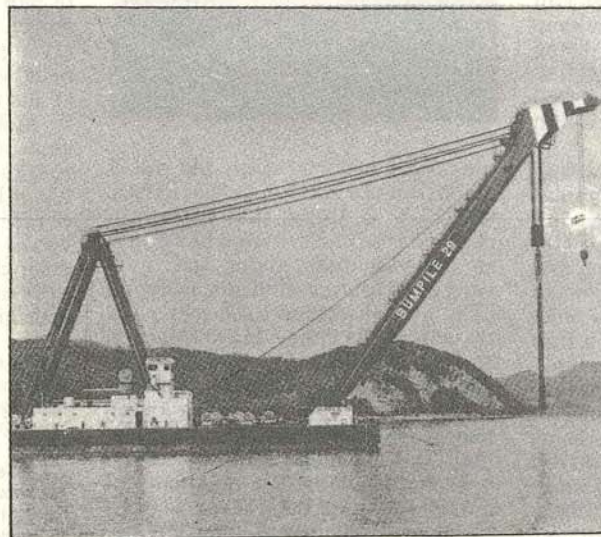
b. Hao mòn vô hình: đặc trưng cho sự lạc hậu về các thể hệ công nghệ do ảnh hưởng của quá trình phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghệ. Yêu cầu đổi mới máy móc thiết bị công nghệ, nghĩa là phần giá trị còn lại sử dụng (có thể 100%) của máy móc thiết bị (MMTB) bị loại ra khỏi quá trình sản xuất do không đảm bảo các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, giá cả hoặc môi trường.v.v

c. Hệ số đổi mới thiết bị: đặc trưng cho động thái của tiến bộ kỹ thuật của từng thời kỳ (thông thường xét cho một năm, tùy theo tốc độ phát triển của tiến bộ kỹ thuật trong từng quốc gia).

d. Tỷ trọng thiết bị

BÀN VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH TRÌNH ĐỘ CỦA LUỒNG CÔNG NGHỆ NGOẠI NHẬP

Thạc sĩ NGUYỄN QUỐC TÔNG



trực tiếp tham gia sản xuất: Được tính bằng tổng số giá trị máy móc thiết bị trực tiếp tạo ra sản phẩm và tổng số giá trị máy móc thiết bị hiện có. Chỉ tiêu này đặc trưng cho hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị.

e. Tỷ trọng thiết bị hiện đại: đặc trưng độ hiện đại của các thiết bị trong quá trình sản xuất, được tính bằng tổng giá trị thiết bị hiện đại trên tổng số giá trị MMTB đưa vào sử dụng.

f. Mức độ trang bị năng lượng cho lao động: đặc trưng cho mức độ trang bị của các thiết bị động lực cho 1 lao động

2. Trình độ công nghệ

a. Tỷ trọng sản phẩm sản xuất theo công nghệ mới, phản ánh đặc trưng hiệu quả sử dụng công nghệ mới

b. Tỷ trọng sản phẩm sản xuất theo dây chuyền: đặc trưng cho tính liên tục, mức độ chuyên môn hóa của quá trình sản xuất

c. Trình độ cơ khí và tự động hóa

3. Đối tượng lao động

a. Chi phí năng lượng cho một đơn vị sản phẩm

b. Chi phí nguyên liệu cho một đơn vị sản phẩm hay tỷ trọng công

II. TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ XÉT THEO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

a. Tỷ trọng sản phẩm xuất khẩu: đặc trưng cho trình độ công nghệ quốc tế về chất lượng sản phẩm sản phẩm trên thị trường thế giới. Hoặc tỷ lệ sản phẩm đăng ký chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO).

b. Tỷ lệ sản phẩm đăng ký chất lượng quốc gia

III. TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ XÉT THEO TRÌNH ĐỘ TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ CHUYÊN MÔN HÓA

- Trình độ chuyên môn hóa

- Trình độ tổ chức quản lý

- Trình độ đào tạo cán bộ

- Môi trường sản xuất

IV. TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ XÉT THEO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT

- Năng suất lao động

- Hiệu quả kinh tế do áp dụng tiến bộ kỹ thuật

- Lợi nhuận tăng thêm, doanh lợi thu được

- Thời gian thu hồi vốn

Hệ thống chỉ tiêu nêu trên cho thấy, các chỉ tiêu đánh giá trình độ công nghệ tương đối đa dạng và phong phú. Đây là những chỉ tiêu chung cho các ngành kinh tế, trong từng ngành cụ thể có lẽ cũng phải qui định chi tiết và cụ thể hơn mang đặc tính chuyên ngành của mình. Tuy nhiên để sử dụng các chỉ tiêu này vào việc đánh giá, kiểm định trình độ công nghệ, chúng ta trong thực tế phải xét các chỉ tiêu này dưới góc độ sau:

* Cơ sở pháp lý: vì hiện nay dưới góc độ quản

nhien, còn nhiều tranh cãi về vấn đề trình độ công nghệ của LCNNN, vấn đề ở đây là lạc hậu ở xứ người, còn lại mới ở xứ ta. Hàng loạt công nghệ nhập về trong mấy năm qua (nên loại bỏ các yếu tố thiếu thông tin, năng lực yếu, móc ngoặc làm thiệt hại cho ta) thì điều quan trọng cần phải xem xét đó là có một số công nghệ cũ song còn thích hợp với môi trường sản xuất của ta, nó vẫn tạo ra được các sản phẩm xuất khẩu và đa dạng hóa mặt hàng, tạo ra nhiều công ăn việc làm v.v.. Như vậy đánh giá các loại công nghệ này phải dựa vào điều kiện nào và tiêu chuẩn ra sao để vừa không bị biến thành bãi rác công nghệ, mà lại phát huy được hiệu

thống nhất hệ thống chỉ tiêu đánh giá trình độ LCNNN. Những chỉ tiêu nêu trên đây hoàn toàn có thể tham khảo để đưa vào hệ thống chung của quốc gia.

* Cơ sở dữ liệu, số liệu

: Qua thực tế điều tra, tổng hợp, chúng ta dễ dàng nhận thấy một nguyên nhân rất lớn gây cản trở đến quá trình đánh giá trình độ LCNNN đó là hệ thống số liệu điều tra, cung cấp đều mang tính chủ quan, vì rất khó thẩm định ngược và có được mạng lưới thông tin toàn cầu, do đó hậu quả dẫn đến là thiếu thông tin về phía đối tác nước ngoài. Để hạn chế sự thua thiệt và đạt được sự bình đẳng trong quá trình đàm phán mua nhập công nghệ hoặc liên doanh, nhất thiết phải nắm bắt được thông tin về công nghệ cần nhập và các dữ liệu về đối tác nước ngoài.

Tóm lại đã đến lúc chúng ta phải có qui trình thẩm định LCNNN chặt chẽ dựa trên các tiêu thức thống nhất cho quốc gia và có những qui định chi tiết cho chuyên ngành. Có làm như vậy thì chúng ta mới phát huy hết được năng lực của LCNNN phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, mặt khác nâng dần năng lực công nghệ nội sinh của mình theo phương châm "công nghệ ngoại nhập cộng với trí tuệ VN" sẽ tạo ra xương sống cho phát triển bền vững đất nước. Kinh tế thị trường tạo cho TP nhiều cơ hội để phát triển nhanh, không bao giờ các công ty đa quốc gia ngoại quốc lại cho không chúng ta những dây chuyền thiết bị hiện đại cả. Mục tiêu đầu tư của họ là rõ ràng: kinh doanh và lợi nhuận. Như vậy khi làm việc này chúng ta phải trả giá. Cái giá phải trả sẽ rất đắt, nếu chúng ta không chịu rút ra bài học của các nước đã và đang công nghiệp đi trước. Chúng ta hoàn toàn có thể tránh được các sai lầm và rủi ro của các nước đã vấp phải, điều này hoàn toàn tùy thuộc ở mỗi chúng ta ■



lý nhà nước, chưa có một hệ thống chỉ tiêu, tiêu thức chuẩn để thẩm định, đánh giá trình độ công nghệ của LCNNN một cách thống nhất, mà trong thực tế bộ KH, CN và môi trường ra các văn bản pháp lệnh chấp và giao cho một số cơ quan đầu mối thực hiện và còn nhiều kẽ hở về mặt pháp lý và lại còn nhiều ý kiến trái ngược nhau (ví dụ cho nhập loại MMTB second hand nếu đạt 80% trở lên thì quá là thiếu chặt chẽ). Nhiều bài học phải trả giá cho quá trình mua nhập CNNN (như đã nêu ở trên phần liên doanh) và mới đây Sở công nghệ TP có bản tường trình toàn bộ TBMM nhập từ 1989 cho đến nay là thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu trên 70%. Tuy

qua kinh tế cho từng giai đoạn? Như vậy, có lẽ phải kết hợp xét và dựa trên nhiều yếu tố, không thể đơn giản theo kiểu định tính là lạc hậu, trung bình, hiện đại được. Vấn đề suy cho cùng vẫn là hiệu quả kinh tế (đi nhiên là không thể chấp nhận hiệu quả bằng mọi giá, gây ra hậu quả về môi trường nghiêm trọng).

* Các chỉ tiêu tổng hợp: Sơ bộ có thể tổng hợp khoảng 20 chỉ tiêu có liên quan đến trình độ công nghệ nói chung và LCNNN nói riêng. Vấn đề đặt ra là phải làm rõ: trong điều kiện hiện nay thì loại thiết bị công nghệ nào sẽ được phép nhập, được phép hoạt động và đổi mới. Như vậy, ta phải xây dựng ngay và